



Bài 9 Lạm phát

I Khái niệm và phương pháp đo lường

1 Khái niệm

2 Phương pháp đo lường

3 Phân loại lạm phát

II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

1 Lạm phát do cầu kéo

2 Lạm phát do chi phí đẩy

3 Lạm phát kéo dài: lạm phát ỳ

4 Tiền tệ và lạm phát



Bài 9 Lạm phát

III Những tổn thất xã hội của lạm phát

1 Đối với lạm phát dự tính được

2 Đối với lạm phát không dự tính được

IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

cuu duong than cong. com

Bài 9 Lạm phát

I Khái niệm và phương pháp đo lường

1 Khái niệm

- Lạm phát (inflation) được định nghĩa là sự gia tăng liên tục trong mức giá chung
- Lạm phát (inflation) cũng có thể được định nghĩa là sự suy giảm sức mua trong nước của đồng nội tệ

Trường hợp ngược lại của lạm phát là giảm phát (deflation), diễn ra khi mức giá chung liên tục giảm. Khi đó, sức mua trong nước của đồng nội tệ liên tục tăng

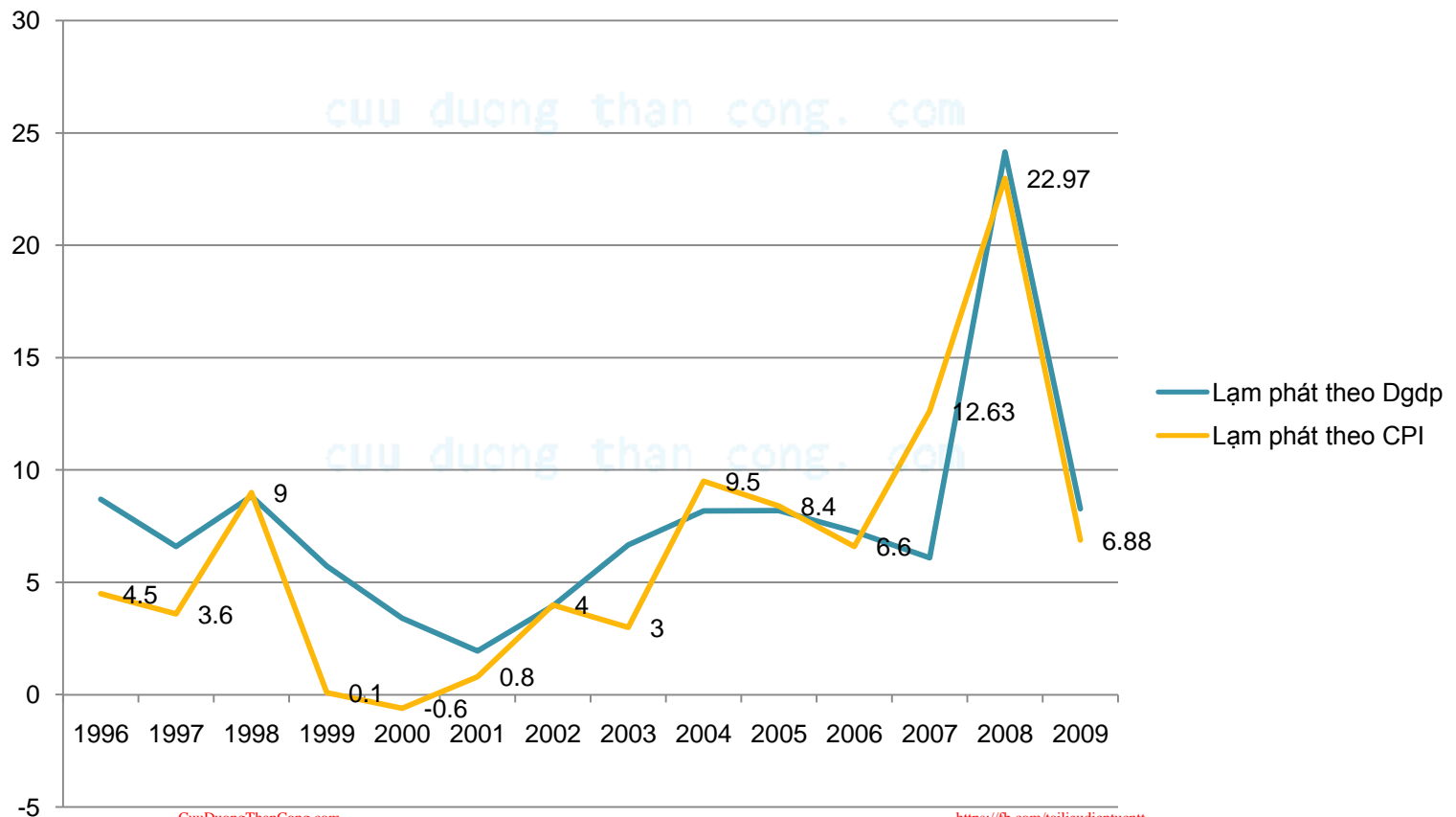
Bài 9 Lạm phát



I Khái niệm và phương pháp đo lường

2 Phương pháp đo lường

$$\pi^t = \frac{CPI^t - CPI^{t-1}}{CPI^{t-1}} \times 100\%$$



Bài 9 Lạm phát

I Khái niệm và phương pháp đo lường

3 Phân loại lạm phát

+ Theo mức độ

- *Lạm phát vừa phải (moderate inflation)*: giá cả tăng chậm, có thể dự đoán được, ở mức một con số một năm

Lạm phát vừa phải không gây ra những tác động nhiều với nền kinh tế, nó còn có khả năng kích thích sản xuất vì giá tăng nhẹ làm tăng lợi nhuận sẽ khuyến khích các DN tăng sản lượng

Bài 9 Lạm phát

I Khái niệm và phương pháp đo lường

3 Phân loại lạm phát

+ Theo mức độ

- *Lạm phát phi mã (galloping inflation)*: giá cả tăng nhanh, ở mức hai hoặc ba con số một năm. Lạm phát này nếu kéo dài sẽ gây ra những biến dạng kinh tế nghiêm trọng, triệt tiêu các động lực phát triển kinh tế.
- *Siêu lạm phát (hyperinflation)*: giá cả tăng rất nhanh, mức lạm phát từ 50% một tháng trở lên (khoảng trên 13000% một năm). Siêu lạm phát phá hủy nền kinh tế, gây bất ổn tình hình an ninh – chính trị ở trong nước.

Siêu lạm phát



Theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế, có bốn tiêu chí để xác định siêu lạm phát

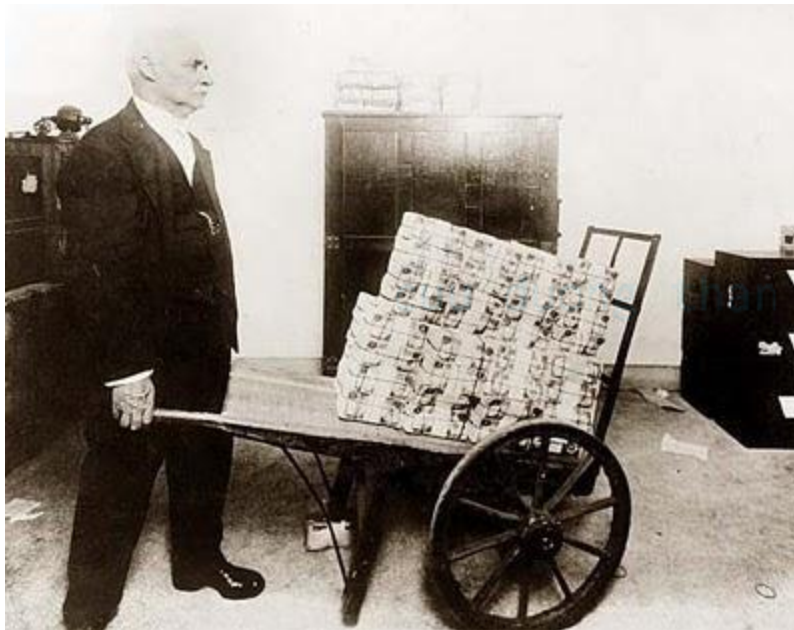
- người dân không muốn giữ tài sản của mình ở dạng tiền;
- giá cả hàng hóa trong nước không còn tính bằng nội tệ nữa mà bằng một ngoại tệ ổn định;
- các khoản tín dụng sẽ tính cả mức mất giá cho dù thời gian tín dụng là rất ngắn;
- lãi suất, tiền công và giá cả được gắn với chỉ số giá và tỷ lệ lạm phát cộng dồn trong ba năm lên tới 100 phần trăm.

Siêu lạm phát



Lịch sử thế giới hiện đại chứng kiến 2 cuộc siêu lạm phát

- **Đức:** Trong thời gian 9 năm (1914 – 1923), mức lạm phát trung bình mỗi năm là 10 lần (900%) và kết quả là đến cuối năm 1923 thì giá cả đã tăng lên 1 tỉ lần



Siêu lạm phát



- **Zimbabwe:** lạm phát đạt tới hai triệu phần trăm, đồng nghĩa với việc giá sinh hoạt tăng 20 ngàn lần mỗi năm. Với mức lạm phát như vậy, vào tháng 7 năm 2010, một tờ 100 tỉ dollar Zimbabwe chỉ mua nổi... 3 quả trứng gà chưa luộc

cuu duong than cong. com



Siêu lạm phát



Worst hyperinflations in world history

Highest monthly inflation rates in history^[48]

| Country | Currency name | Month with highest inflation rate | Highest monthly inflation rate | Equivalent daily inflation rate | Time required for prices to double |
|----------------------------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| Hungary | Hungarian pengő | July 1946 | $4.19 \times 10^{16} \%$ | 207 % | 15 hours |
| Zimbabwe | Zimbabwe dollar | November 2008 | $7.96 \times 10^{10} \%$ | 98 % | 24.7 hours |
| Yugoslavia | Yugoslav dinar | January 1994 | $3.13 \times 10^8 \%$ | 64.6% | 1.4 days |
| Germany | German Papiermark | October 1923 | 29,500 % | 20.9 % | 3.7 days |
| Greece | Greek drachma | October 1944 | 13,800 % | 17.9 % | 4.3 days |
| Taiwan (Republic of China) | Old Taiwan dollar | May 1949 | 2,178 % | 11% | 6.7 days |



Bài 9 Lạm phát

I Khái niệm và phương pháp đo lường

3 Phân loại lạm phát

+ Theo tính chất

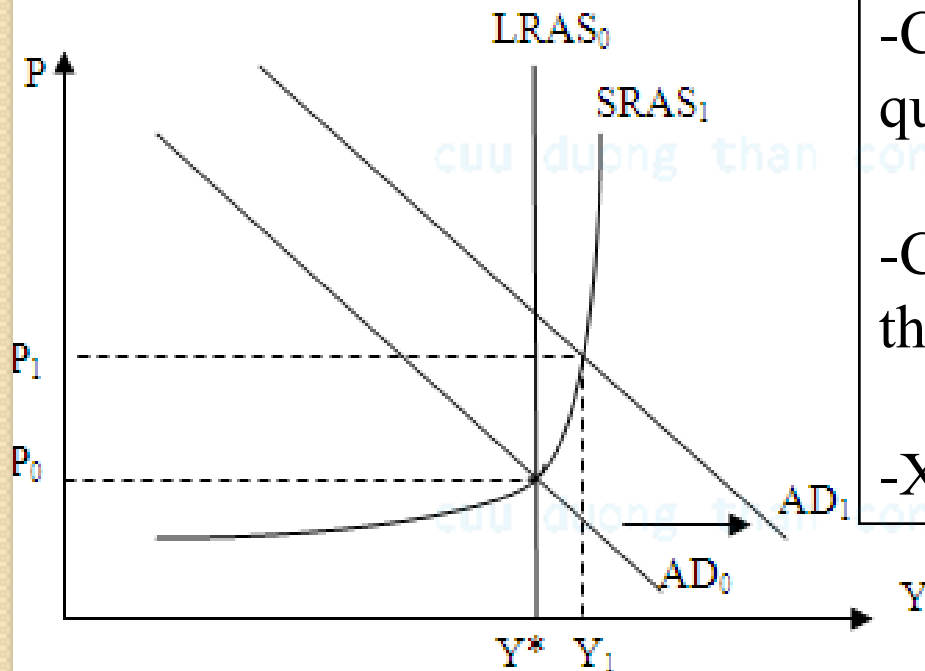
- Lạm phát dự kiến (expected inflation): do yếu tố tâm lý, dự đoán của các cá nhân về tốc độ tăng giá tương lai, vào lạm phát quá khứ. ảnh hưởng không lớn và chỉ tác động điều chỉnh chi phí sản xuất.
- Lạm phát không dự kiến (unexpected inflation): do các cú sốc từ bên ngoài và các tác nhân trong nền kinh tế không dự kiến được và bị bất ngờ.

Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

1 Lạm phát do cầu kéo (demand pull inflation)

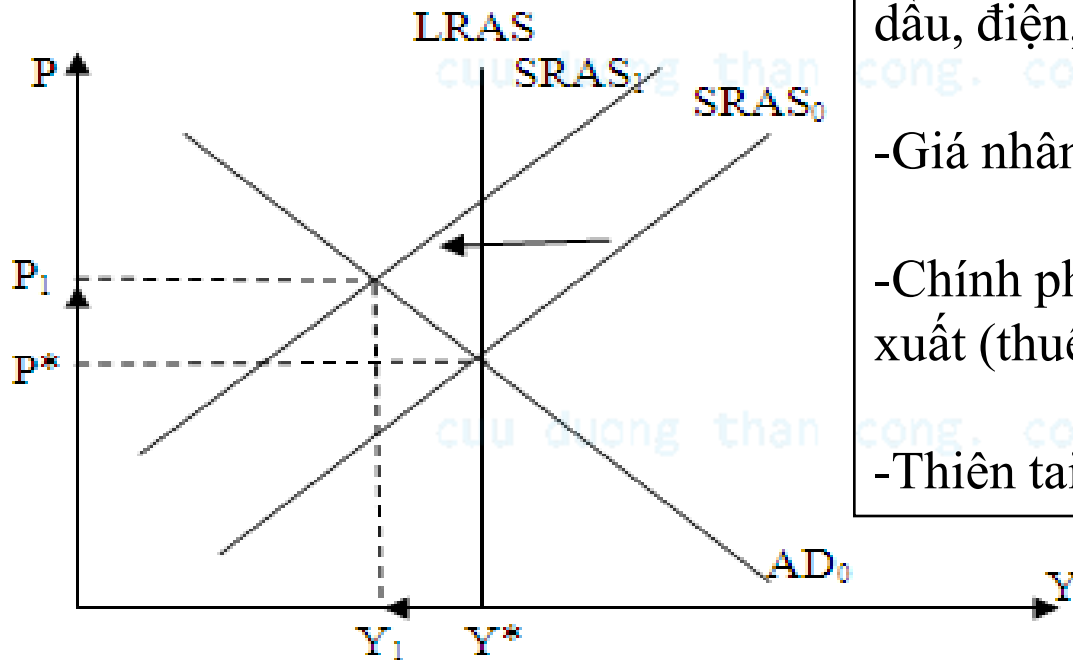


- Các hãng và hộ gia đình lạc quan thái quá vào nền kinh tế
- Chính phủ tăng chi tiêu bất thường
- Xuất khẩu đột nhiên tăng mạnh

Bài 9 Lạm phát

II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

2 Lạm phát do chi phí đẩy (*cost push inflation*)



-Giá nguyên vật liệu đầu vào (xăng dầu, điện, nước) tăng mạnh

-Giá nhân công tăng

-Chính phủ tăng thuế đánh vào sản xuất (thuế gián thu)

-Thiên tai chiến tranh, dịch bệnh

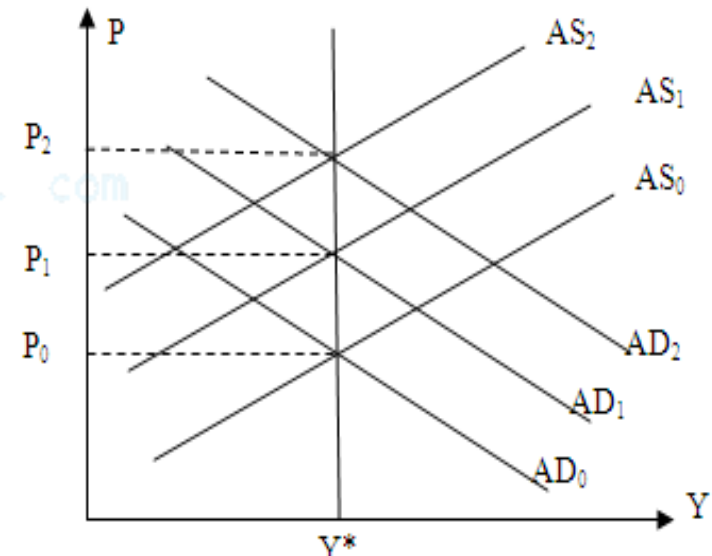
Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

3 Lạm phát kéo dài: lạm phát ỳ (*inertial inflation*)

- Là lạm phát có mức giá cả chung tăng lên theo tỷ lệ khá ổn định và tương đối thấp trong một thời gian dài
- Đây là loại lạm phát hoàn toàn dự tính được và được mọi người tính đến trong các hợp đồng về lao động, cho thuê, cho vay... (*lạm phát kỳ vọng*)
- Bản chất là sự kết hợp giữa lạm phát cầu kéo và chi phí đẩy





Bài 9 Lạm phát

II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

3 Lạm phát kéo dài: lạm phát ỳ (inertial inflation)

Lúc này nền kinh tế khá ổn định, các tác nhân trong nền kinh tế cho rằng sẽ có lạm phát ở tỷ lệ tương tự và điều chỉnh lãi suất danh nghĩa, tiền lương danh nghĩa, giá cả trong các hợp đồng kinh tế, các khoản chi tiêu ngân sách...theo tỷ lệ lạm phát các năm trước đó khiến cho giá cả thực sự tăng lên theo dự đoán của mọi người

Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

Ngoài ra còn có các dạng lạm phát khác như

- ***Lạm phát nhập khẩu*** (nguồn gốc: giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa nhập khẩu ít có khả năng thay thế tăng cao - lạm phát chi phí đẩy)
- ***Lạm phát cơ cấu*** (nguồn gốc: sản xuất kém hiệu quả - lạm phát chi phí đẩy)
- ***Lạm phát tiền tệ*** (nguồn gốc: chi tiêu chính phủ gia tăng được bù đắp bằng cách in tiền - lạm phát cầu kéo)

Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

4 Tiền tệ và lạm phát

- Milton Friedman: “*Lạm phát ở đâu và bao giờ cũng là hiện tượng tiền tệ....và nó chỉ có thể xuất hiện một khi cung tiền tăng nhanh hơn sản lượng*”

- Lý thuyết số lượng tiền tệ:

$$M*V = P*Y \text{ hay } P = (M*V)/Y$$

trong đó M là lượng cung tiền trong nền kinh tế

V là tốc độ chu chuyển của tiền

P là mức giá cả chung

Y là sản lượng của nền kinh tế

Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

4 Tiền tệ và lạm phát

V có tính chất ổn định nên

- Lạm phát xảy ra (P tăng) khi tốc độ tăng M nhiều hơn tốc độ tăng Y
- Giảm phát xảy ra (P giảm) khi tốc độ tăng M ít hơn tốc độ tăng Y
- Giá cả không đổi (P không đổi) khi tốc độ tăng M bằng với tốc độ tăng Y

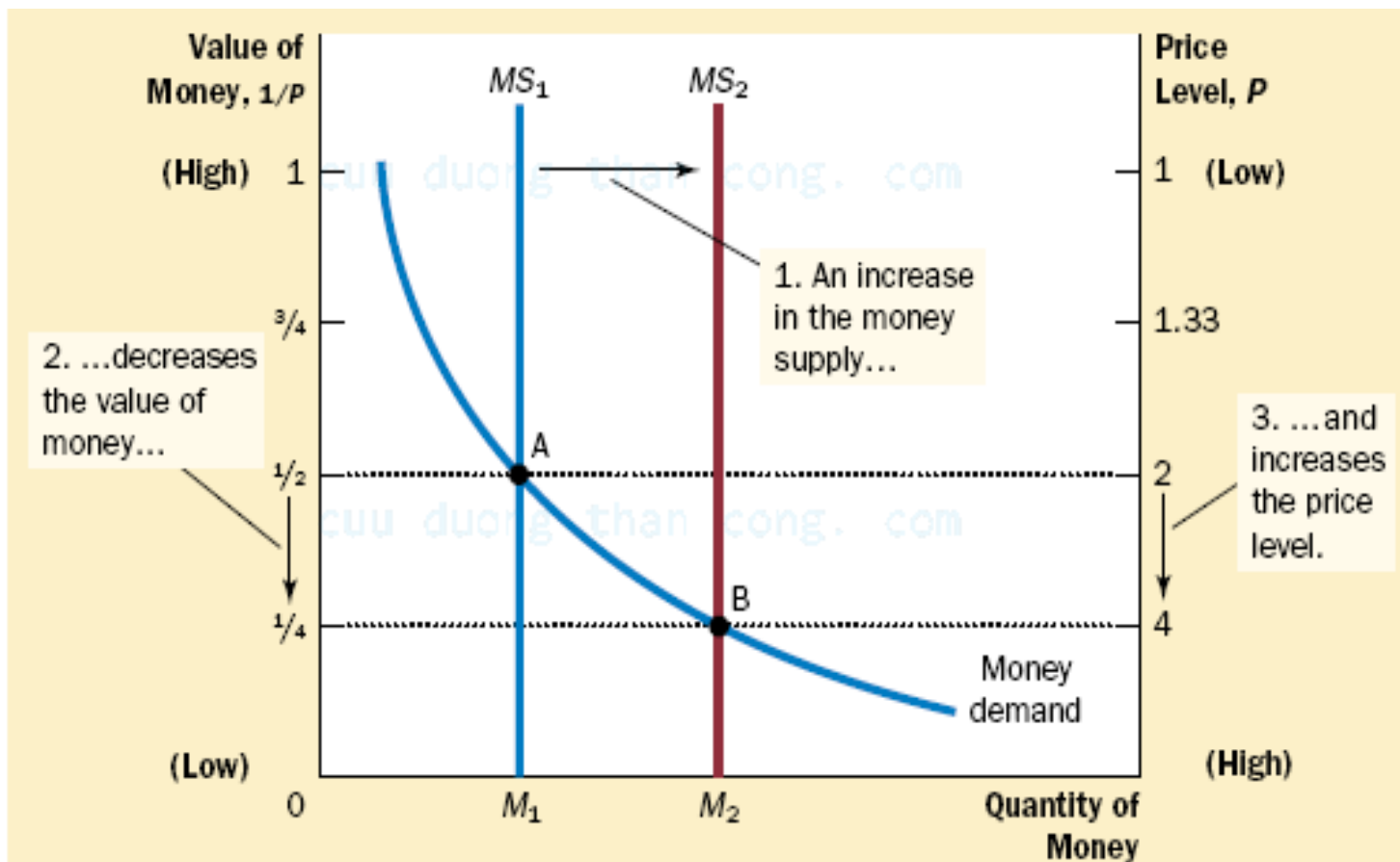
Tuy nhiên cũng có trường hợp V thay đổi theo chu kỳ kinh doanh (V cao khi nền kinh tế mở rộng, V thấp khi nền kinh tế suy thoái)

Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

4 Tiền tệ và lạm phát



Mở rộng: Monetarist (conservative/classical) versus Keynesian (liberal)



Theo Monetarist: CSTK không hiệu quả do hiệu ứng lấn át toàn phần.

Dùng CSTK để thoát khỏi hiệu ứng lấn át phải sử dụng tăng G được tài trợ bằng in tiền, nghĩa là M tăng nhưng V ổn định, Y lại do cung quyết định nên P sẽ tăng. Tăng G, C bao nhiêu lại giảm I, NX bấy nhiêu do hiệu ứng lấn át cộng với P tăng.

CSTT chỉ được sử dụng để ổn định mức giá với lập luận M tăng/giảm nhưng V ổn định và Y do cung quyết định thì P sẽ tăng/giảm (giá cả linh hoạt)

→ AS thẳng đứng/Nền kinh tế điều chỉnh rất nhanh về Y^* do giá cả linh hoạt → Chính sách cp ít có cơ hội thành công khi điều tiết nền kinh tế trong ngắn hạn

Theo Keynes: CSTK, CSTT có thể có hiệu quả vì V không ổn định theo chu kỳ kinh tế, giá cả có tính cứng nhắc trong ngắn hạn. CSTT chỉ mất hiệu quả khi gặp bất thanh khoản

→ Chính sách cp rất có tác dụng khi nền kt gặp suy thoái/pt nóng

Bài 9 Lạm phát



II Các nguyên nhân gây nên lạm phát

4 Tiền tệ và lạm phát

Lạm phát cầu kéo và lạm phát chi phí đẩy dưới góc nhìn của lý thuyết số lượng tiền tệ

- *Lạm phát cầu kéo trong dài hạn*: nhân tố có thể thúc đẩy AD dịch chuyển sang phải trong dài hạn (nhiều năm) G tăng
 - *Lạm phát chi phí đẩy trong dài hạn*: chính sách ổn định của chính phủ tăng G duy trì mức sản lượng như cũ làm giá cả tăng lên
- một trong những nguồn dễ dàng tài trợ cho việc tăng G đó là in thêm tiền

Bài 9 Lạm phát



III Những tổn thất xã hội của lạm phát

1 Đối với lạm phát dự tính được

- Thuế đúc tiền (seigniorage), thuế lạm phát (inflation tax)
- Chi phí mòn giày (shoeleather cost)
- Chi phí thực đơn (menu cost)
- Phân bổ sai nguồn lực (resource misallocation)
- Biến dạng nghĩa vụ nộp thuế thu nhập (inflation induced tax distortion)
- Nhầm lẫn và bất tiện (confusion and inconvenience)



Bài 9 Lạm phát

III Những tổn thất xã hội của lạm phát

2 Đối với lạm phát không dự tính được

Cũng gây nên các tổn thất xã hội giống như lạm phát dự tính được (ở mức độ lớn hơn), ngoài ra còn gây thêm một tổn thất nữa: *Lạm phát bất ngờ phân phối lại thu nhập và của cải giữa các thành viên trong xã hội không theo nỗ lực, cống hiến, và nhu cầu của họ*

- + Nếu Π thực tế $>$ Π dự kiến: người đi vay, chủ doanh nghiệp, ngân sách(cp) lợi
- + Nếu Π thực tế $<$ Π dự kiến: người cho vay, công nhân, người đóng thuế lợi

Mở rộng: các biện pháp kiềm chế lạm phát



5 biện pháp để kiềm chế lạm phát ở Việt Nam

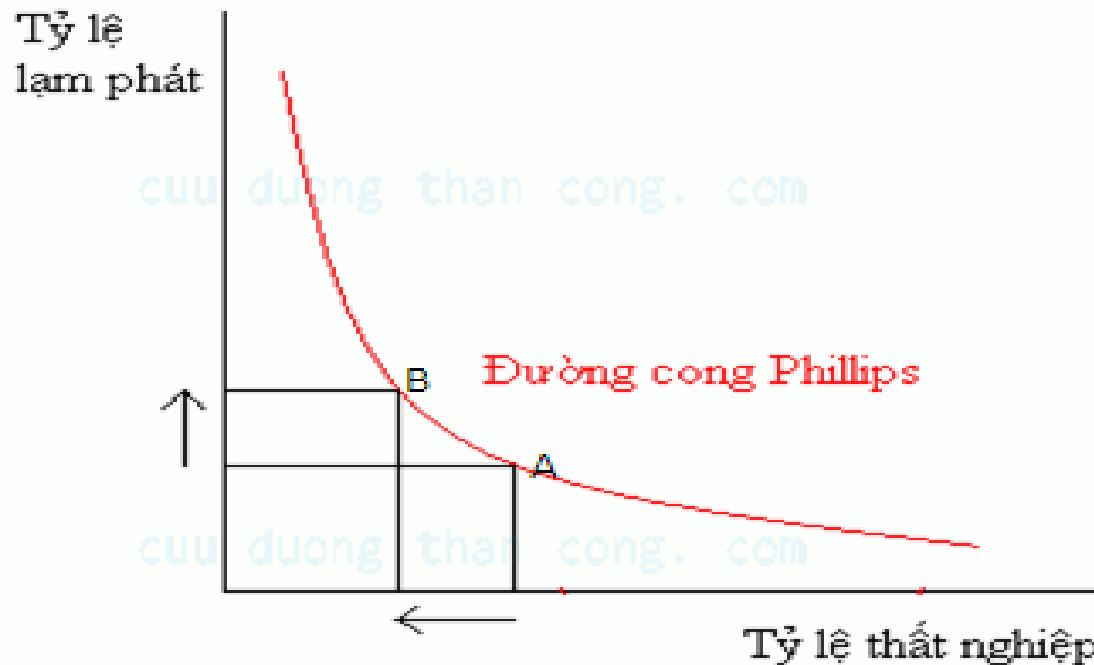
- Hạn chế thâm hụt ngân sách: tăng T, giảm G, huy động thêm nguồn vốn kv tư nhân
- Hạn chế tài trợ thâm hụt ngân sách bằng cách tin tiền, thực hiện CSTT thận trọng, chấp nhận sự đánh đổi
- Chống tham nhũng toàn diện
- Nâng cao khả năng sản xuất của nền kinh tế tránh nhập khẩu lạm phát
- Vận động người Việt Nam dùng hàng Việt Nam tránh dòng xoáy đô tăng, lạm phát tăng

Bài 9 Lạm phát



IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Đường cong Phillips biểu diễn mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp



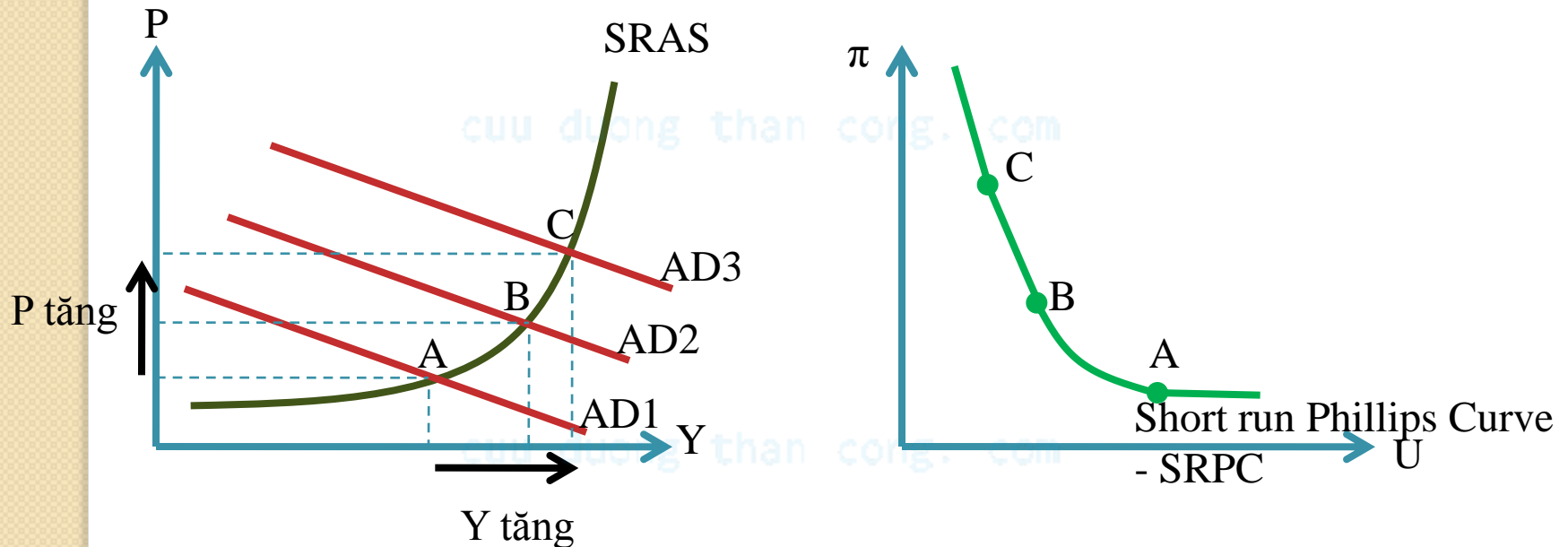
Đường Phillips thoải tại mức thất nghiệp cao, và dốc tại mức thất nghiệp thấp (liên hệ với hình dáng đường SRAS)

Bài 9 Lạm phát

IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Đường Phillips và mô hình AD – AS

Đường Phillips ngắn hạn

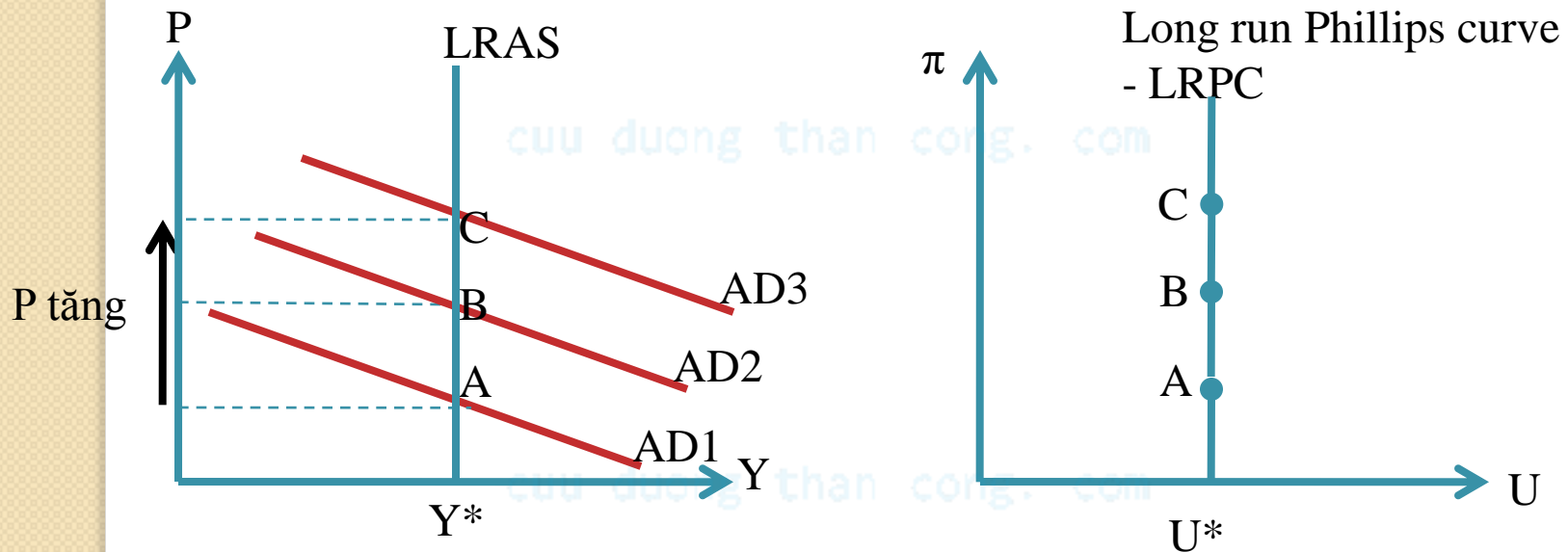


Bài 9 Lạm phát



IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Đường Phillips dài hạn



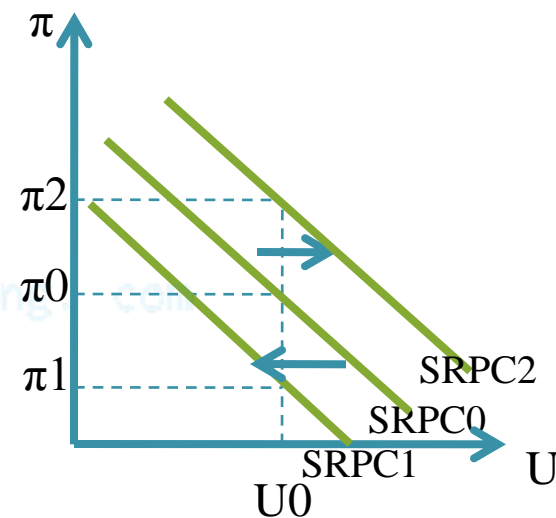
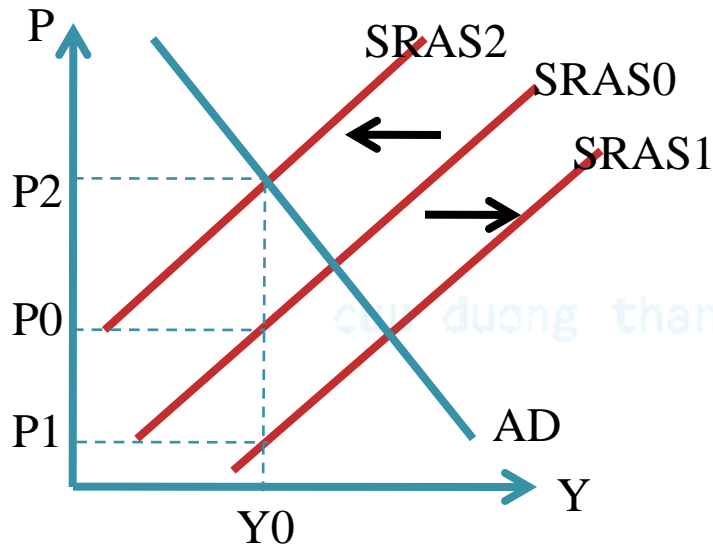
Trong đó Y^* là mức sản lượng tiềm năng
 U^* là tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên

Bài 9 Lạm phát



IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Sự dịch chuyển của đường Phillips



Đường Phillips ngắn hạn dịch chuyển khi đường tổng cung ngắn hạn dịch chuyển

- + SRAS dịch chuyển sang trái thì SRPC dịch chuyển sang phải (sự đánh đổi ít thuận lợi hơn)
- + SRAS dịch chuyển sang phải thì SRPC dịch chuyển sang trái (sự đánh đổi thuận lợi hơn)



Bài 9 Lạm phát

IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Sự dịch chuyển của đường Phillips

Đường Phillips dài hạn dịch chuyển khi tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên thay đổi

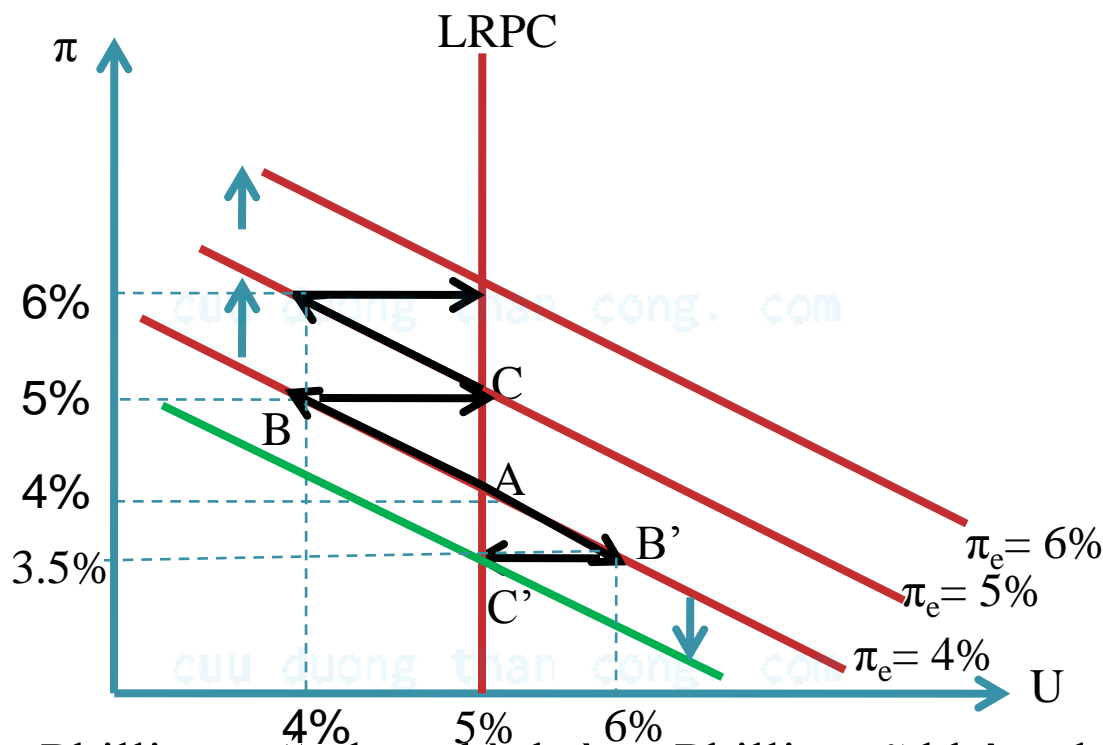
- +) tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên giảm: LRPC dịch chuyển sang trái
- +) tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên tăng: LRPC dịch chuyển sang phải

Bài 9 Lạm phát



IV Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Lạm phát kỳ vọng và đường Phillips ngắn hạn



Tại mỗi đường Phillips ngắn hạn thì đường Phillips sẽ không bị dịch chuyển (π không thay đổi – lạm phát thực tế bằng lạm phát kỳ vọng) nếu nền kinh tế ở mức thất nghiệp tự nhiên. Vì thế người ta còn gọi tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên là NAIRU (non-accelerating inflation rate of unemployment): mức thất nghiệp không làm gia tăng lạm phát

Mở rộng: Original Phillips curve và Inflation - augmented Phillips curve



+) Phương trình đường Phillips gốc

$$\pi = \alpha - \beta u$$

Tồn tại mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa lạm phát thực tế và tỷ lệ thất nghiệp thực tế

cuuduongthancong.com

+) Phương trình đường Phillips tích hợp lạm phát

$$\pi = \pi^e - h(u - \bar{u}) + v$$

$$\rightarrow \pi - \pi^e = -h(u - \bar{u}) + v$$

cuuduongthancong.com

Tồn tại mối quan hệ tỷ lệ nghịch (ngược chiều) giữa chênh lệch lạm phát ngoài dự kiến và thất nghiệp chu kỳ

Bài 9 Lạm phát

IV Môi quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp



Lạm phát kỳ vọng và đường Phillips ngắn hạn

Có thể nói dự tính lạm phát trong ngắn hạn, và dài hạn giống như việc đoán đồng xu sắp ngửa

- + Tung đồng xu, khoảng 10 lần thì rất khó nói số lần mặt sấp, mặt ngửa → trong ngắn hạn rất khó để hãng, công nhân dự đoán được c/x hành vi của nền kt hay lạm phát thực tế → thay đổi lạm phát kỳ vọng → SRPC dịch chuyển
- + Tung đồng xu, khoảng 10000 lần, phán đoán 5000 lần mặt sấp, 5000 lần mặt ngửa nhiều khả năng đúng → trong dài hạn các hãng có thể dự đoán được c/x hành vi của nền kt (ở mức Y^*) hay lạm phát thực tế → lạm phát kỳ vọng bằng lạm phát thực tế (ở mức U^*) → SRPC không dịch chuyển (tập hợp những điểm NAIRU trở thành LRPC)



Các thuật ngữ quan trọng

- Lạm phát (inflation) giảm phát (deflation)
- Lạm phát vừa phải (moderate inflation), lạm phát phi mã (galloping inflation), siêu lạm phát (hyperinflation)
- Lạm phát cầu kéo (demand pull inflation), lạm phát chi phí đẩy (cost push inflation), lạm phát ỳ (inertial inflation)
- Chi phí thực đơn (menu cost), chi phí mòn giày (shoeleather cost)
- Chống lạm phát (disinflation)
- Đường Phillips (phillips curve)

Câu hỏi tư duy



- 1) Tại sao lạm phát tăng luôn là một tin xấu cho thị trường chứng khoán?
- 2) Tại sao lạm phát luôn là hiện tượng xảy ra phổ biến từ năm này qua năm khác?
- 3) Dựa vào các nguyên nhân gây nên lạm phát hãy đề xuất các biện pháp chống lạm phát tại quốc gia A biết rằng trong năm đó tại quốc gia A thiên tai xảy ra nhiều, tổ chức nhiều lễ hội, NHTW vừa sử dụng cstv mở rộng do nền kinh tế trước đó rơi vào suy thoái nhẹ, lại vừa tăng lương cho người lao động?